



zhè shí

这时

pronoun · at this time

Example Sentences

zhè shí tā lái le
这时，他来了。

At this time, he came.

zhè shí tiān tū rán xià qǐ le yǔ
这时，天突然下起了雨。

At this time, it suddenly started to rain.

zhè shí lǎo shī zǒu jìn jiào shì dà jiā ān jìng le xià lái
这时，老师走进教室，大家安静了下来。

At this time, the teacher walked into the classroom, and everyone quieted down.

Trace each character, then write the word on your own.

这	这	这	这	这	这	这	这	这	这
时	时	时	时	时	时	时	时	时	时